

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp cung ứng thuốc cho
Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027 lần 5
của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải Quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế về việc quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BVĐKKH ngày 30/7/2026 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục thuốc cung ứng tại Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027 lần 5 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa;

Căn cứ Thông báo số 3652/TB-BVĐKKH của ngày 06/8/2026 Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa về việc mời chào giá thuốc cung ứng tại Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027 lần 5 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa.

Căn cứ Báo cáo đánh giá ngày 26/8/2026 của Tổ Chuyên gia – Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Tổ Chuyên gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp cung ứng thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027 lần 5 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa với nội dung sau:

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa.
- Địa điểm: 19 đường Yersin, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ năm 2026-2027.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Danh mục chi tiết (đính kèm Phụ lục danh mục thuốc).

STT	Tên nhà cung cấp	Giá trị (VNĐ)	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
01	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	110.000.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực
02	Công ty TNHH Thương mại và Dược phẩm Sang	300.740.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực
03	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	13.760.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực
04	Công ty Cổ phần SANTAV	38.400.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực
05	Công ty TNHH dược phẩm Gigamed	199.082.100	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực
06	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	4.800.000	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực
Tổng cộng (VNĐ):		666.782.100		

Điều 2. Các khoa, phòng chức năng cùng có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, mời nhà cung cấp ký hợp đồng, triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng Khoa Dược và các khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc (b/c);
- Phòng TCKT;
- Tổ Pháp chế và QLĐT;
- Lưu: VT, Dược.

GIÁM ĐỐC



Lê Vũ Chương

Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 2563/QĐ-BVĐKKH ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng chào giá	Đơn giá chào giá	Thành tiền	Tên công ty
1	Brufen	Ibuprofen	100mg/5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 1 lọ x 60ml	36 tháng	899100000324	PT. Abbott Indonesia	Indonesia	Chai	2.000	55.000	110.000.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2
2	Cyclogest 400mg	Progesterone	400mg	Đặt hậu môn/âm đạo	Viên đạn đặt âm đạo/hậu môn	Hộp 3 vỉ x 5 viên	48 tháng	VN-17146-13	Accord - UK Limited	Anh	Viên	10.000	30.074	300.740.000	Công ty TNHH Thương mại và Dược phẩm Sang
3	Para-OPC 150mg	Paracetamol	150mg	Uống	Thuốc bột sủi bọt	Hộp 12 gói x 640mg	36 tháng	893100160924	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	Gói	20.000	688	13.760.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
4	Partamol Tab.	Paracetamol	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	60 tháng	893100156725	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	80.000	480	38.400.000	Công ty Cổ phần SANTAV
5	Rhinocort Aqua	Budesonide	64µg (mcg)/1 liều xịt (0,05ml)	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 01 chai x 120 liều	30 tháng	730100964124	McNeil AB	Thụy Điển	Chai	100	220.821	22.082.100	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
6	Ultracet	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	37,5mg + 325mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	VN-22778-21	Janssen Cilag S.P.A	Ý	Viên	30.000	5.900	177.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
7	ZINC 10	Zinc Gluconat (Tương đương Zinc 10mg)	70mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	36 tháng	8931000056624	CN Công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	40.000	120	4.800.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm

Ổng cộng: 07 mặt hàng

666.782.100

Phụ lục II

DANH MỤC THUỐC KHÔNG BÁP ỨNG YẾU CẦU

(Kèm theo Quyết định số 2563/QĐ-BYĐKKH ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa)

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá chào giá	Thành tiền	Tên công ty	Ghi chú
1	Cyclogest 400mg	Progesterone	400 mg	Đặt	Viên đặt âm đạo/hậu môn	Vỉ x viên	Accord - UK Limited	Anh	Viên	10.000	30.074	300.740.000	Proges Sup 400mg	Progesterone	400mg	Đặt âm đạo, trực tràng	Viên đặt âm đạo, trực tràng	Hộp 15 viên		893110574724	Công ty cổ phần dược phẩm CPC I Hà Nội	Viet Nam	Viên	10.000	27.100	271.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC I Hà Nội	Sai tên thuốc yêu cầu
2	Nes-Tergynan	Metronidazole + Neomycin sulfate + Nystatin	500mg + 65000IU + 100000IU	Đặt âm đạo	Viên	Vỉ x viên	Sophartex	Pháp	Viên	10.000	11.865	118.650.000	Nes-Tergynan	Metronidazole + Neomycin sulfate + Nystatin	500mg + 65000IU + 100000IU	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Hộp 1 vỉ x 10 viên	36 tháng	300115082323 (VN-18967-15)	Sophartex	Pháp	Viên	10.000	11.880	118.800.000	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà tại TP Đà Nẵng	Vượt giá mời chào giá
3	Polygynax	Neomycin sulfate + Polymyxin B sulfate + Nystatin	35000 IU + 35000 IU + 100000 IU	Đặt âm đạo	Viên	Vỉ x viên	CSSX bán thành phẩm: Causlent France Beahclem S.A/CS đóng gói, kiểm soát chất lượng và xuất xứ: Imothera Chouzy	Pháp	Viên	5.000	9.500	47.500.000		Neomycin sulfate + Polymyxin B sulfate + Nystatin	35000 IU + 35000 IU + 100000 IU	Đặt âm đạo											Không có báo giá	

Tổng cộng: 03 mặt hàng

THÔNG BÁO
Về việc kết quả lựa chọn nhà cung cấp cung ứng thuốc cho
Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027 lần 5
Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Căn cứ Quyết định số 2563/QĐ-BVĐKKH ngày 27/8/2026 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp cung ứng thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027 lần 5 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa.

Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa thông báo kết quả như sau:

- Danh sách nhà cung cấp được lựa chọn (*Phụ lục kèm theo Quyết định*).

STT	Tên nhà cung cấp	Số lượng	Giá trị (VNĐ)
01	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	01	110.000.000
02	Công ty TNHH Thương mại và Dược phẩm Sang	01	300.740.000
03	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	01	13.760.000
04	Công ty Cổ phần SANTAV	01	38.400.000
05	Công ty TNHH dược phẩm Gigamed	02	199.082.100
06	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	01	4.800.000
Tổng cộng (VNĐ):			666.782.100

- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định .
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa thông báo tới đơn vị có tên trong danh sách liên hệ với Bệnh viện để hoàn thiện và ký hợp đồng chậm nhất đến 16h30 ngày 10/09/2026 ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (b/c);
- Phòng TCKT;
- Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, Dược.



Lê Vũ Chương